



# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

## Học phần: Logic học

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Giới tính | Lớp HP | Phách | Điểm thi | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|--------|------------|-------|-----------|--------|-------|----------|-------|--------|---------|
| 1   | 000001 | 1001020037 | Nguyễn Hoàng     | Anh    | 03/01/2004 | KD10G | Nam       | 01     | 31    | Một      | 1     | Anh    | le      |
| 2   | 000002 | 1101020777 | Trần Thị Phương  | Anh    | 28/07/2005 | KD11G | Nữ        | 01     | 32    | 6,0      | 1     | Ph     | chấn    |
| 3   | 000003 | 1101020168 | Vũ Thị Khánh     | Linh   | 10/12/2005 | KD11G | Nữ        | 01     | 33    | 5,5      | 1     | Linh   | le      |
| 4   | 000004 | 1101020236 | Lý Thu           | Phuong | 28/07/2005 | KD11G | Nữ        | 01     | 34    | 6,0      | 1     | Thu    | Chấn    |
| 5   | 000005 | 1101020304 | Nguyễn Thị Huyền | Trang  | 08/02/2005 | KD11G | Nữ        | 01     | 35    | 7,3      | 1     | Trang  | le      |
| 6   | 000006 | 1201020079 | Phạm Hải         | Anh    | 17/11/2006 | KD12A | Nữ        | 01     | 36    | 7,3      | 1     | Hải    | Chấn    |
| 7   | 000007 | 1201021694 | Đỗ Xuân          | Đức    | 09/08/2004 | KD12A | Nam       | 01     | 37    | 4,5      | 1     | Đức    | le      |
| 8   | 000008 | 1201020128 | Dương Anh        | Dũng   | 05/08/2006 | KD12A | Nam       | 01     |       |          |       |        | ĐK      |
| 9   | 000009 | 1201021484 | Đỗ Thị Hương     | Giang  | 12/11/2006 | KD12A | Nữ        | 01     | 38    | 7,0      | 1     | Hương  | le      |
| 10  | 000010 | 1201021768 | Ngô Thị          | Hào    | 28/09/2006 | KD12A | Nữ        | 01     | 39    | 7,5      | 1     | Hào    | chấn    |
| 11  | 000011 | 1201020218 | Nguyễn Lê Đăng   | Khánh  | 14/07/2006 | KD12A | Nam       | 01     |       |          |       |        |         |
| 12  | 000012 | 1201021763 | Đặng Thị Thùy    | Linh   | 28/09/2006 | KD12A | Nữ        | 01     | 40    | 2,5      | 1     | Linh   | chấn    |
| 13  | 000013 | 1201020311 | Lê Thị           | Ngân   | 02/04/2006 | KD12A | Nữ        | 01     | 41    | 6,5      | 1     | Ngân   | le      |
| 14  | 000014 | 1201020367 | Vũ Minh          | Quang  | 25/08/2005 | KD12A | Nam       | 01     | 42    | 3,3      | 1     | Quang  | chấn    |
| 15  | 000015 | 1201021506 | Hoàng Ngọc       | Son    | 17/04/2004 | KD12A | Nam       | 01     |       |          |       |        | HP,ĐK   |
| 16  | 000016 | 1201020399 | Đỗ Thị           | Thu    | 30/08/2005 | KD12A | Nữ        | 01     | 43    | 6,3      | 1     | Thu    | chấn    |
| 17  | 000017 | 1201020410 | Nguyễn Anh       | Thư    | 21/12/2006 | KD12A | Nữ        | 01     | 44    | 8,8      | 1     | Thư    | le      |
| 18  | 000018 | 1201020428 | Đinh Quỳnh       | Trang  | 09/10/2006 | KD12A | Nữ        | 01     | 45    | 7,0      | 1     | Trang  | chấn    |
| 19  | 000019 | 1201021517 | Vũ Thị Thu       | Trang  | 19/07/2006 | KD12A | Nữ        | 01     |       |          |       |        | HP,ĐK   |
| 20  | 000020 | 1201020461 | Nguyễn Đăng      | Tuấn   | 26/09/2006 | KD12A | Nam       | 01     | 46    | 2,5      | 1     | Tuấn   | chấn    |
| 21  | 000021 | 1201021817 | Nguyễn Trung     | Đức    | 01/07/2006 | KD12B | Nam       | 01     | 47    | 3,8      | 1     | Đức    | le      |
| 22  | 000022 | 1201021800 | Nguyễn Đức       | Dũng   | 06/01/2006 | KD12B | Nam       | 01     | 48    | 4,3      | 01    | Đức    | chấn    |
| 23  | 000023 | 1101020124 | Nguyễn Thanh     | Huyền  | 19/08/2005 | KD12B | Nữ        | 01     | 49    | Một      | 1     | Huyền  | le      |
| 24  | 000024 | 1201020268 | Nguyễn Thành     | Long   | 22/04/2006 | KD12B | Nam       | 01     | 50    | 2,3      | 1     | Long   | chấn    |
| 25  | 000025 | 1201021810 | Nguyễn Phương    | Thảo   | 01/07/2006 | KD12B | Nữ        | 01     | 51    | 6,5      | 01    | Thảo   | le      |
| 26  | 000026 | 1201021819 | Nguyễn Thị Hồng  | Nhung  | 03/01/2006 | KD12C | Nữ        | 01     | 52    | 9,3      | 01    | Nhung  | chấn    |
| 27  | 000027 | 1201020465 | Nguyễn Tú        | Uyên   | 26/04/2006 | KD12C | Nữ        | 01     | 53    | 8,8      | 01    | Uyên   | le      |
| 28  | 000028 | 1101030537 | Lưu Thu          | Hà     | 23/01/2005 | QM12B | Nữ        | 01     | 54    | 9,0      | 1     | Hà     | chấn    |
| 29  | 000029 | 1101030618 | Vương Thị Diệu   | Ly     | 11/12/2005 | KD11E | Nữ        | 02     | 55    | 5,8      | 1     | Ly     | le      |
| 30  | 000030 | 1201011155 | Giang Đức        | Anh    | 25/09/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 56    | 2,3      | 1     | Đức    | chấn    |
| 31  | 000031 | 1201011156 | Hoàng Diệp       | Anh    | 09/01/2006 | NH12A | Nữ        | 02     | 57    | 7,8      | 1     | Diệp   | le      |
| 32  | 000032 | 1201011640 | Nguyễn Duy       | Anh    | 12/11/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 58    | 2,0      | 1     | Duy    | chấn    |
| 33  | 000033 | 1201011172 | Nguyễn Phương    | Anh    | 01/08/2006 | NH12A | Nữ        | 02     | 59    | 5,5      | 1     | Phương | le      |

Tổng số sinh viên dự thi: 29.

Tổng số tờ giấy thi: 29.

Tổng số biên bản: 29.

Ngày 12 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thùy Nguyễn P. Nguyễn



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026**

**Học phần: Logic học**

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm            | tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Giới tính | Lớp HP | Phách | Điểm thi | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-------------------|--------|------------|-------|-----------|--------|-------|----------|-------|--------|---------|
| 1   | 000034 | 1201011188 | Hà Thị Nguyệt     | Ánh    | 13/12/2006 | NH12A | Nữ        | 02     | 1     | 3,3      | 1     | Ánh    | chấn    |
| 2   | 000035 | 1201011202 | Đinh Hoàng        | Đạt    | 16/08/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 2     | 4,0      | 1     | Đạt    | Lê      |
| 3   | 000036 | 1201011206 | Trần Quốc         | Đạt    | 09/07/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 3     | 2,3      | 1     | Đạt    | chấn    |
| 4   | 000037 | 1201011211 | Lưu Mạnh          | Dũng   | 10/10/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 4     | 7,0      | 1     | Dũng   | Lê      |
| 5   | 000038 | 1201011221 | Phạm Thị Hồng     | Duyên  | 22/08/2006 | NH12A | Nữ        | 02     | 5     | 2,0      | 1     | Duyên  | chấn    |
| 6   | 000039 | 1201011232 | Bùi Hoàng         | Hải    | 07/08/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 6     | 5,0      | 1     | Hải    | Lê      |
| 7   | 000040 | 1201011252 | Nguyễn Vi         | Hiệp   | 26/05/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 7     | 5,5      | 1     | Hiệp   | chấn    |
| 8   | 000041 | 1201011276 | Lê Quang          | Huy    | 26/06/2005 | NH12A | Nam       | 02     | 8     | 4,3      | 1     | Huy    | Lê      |
| 9   | 000042 | 1201011281 | Vũ Đình           | Huyền  | 07/08/2006 | NH12A | Nam       | 02     |       |          |       |        | HP,ĐK   |
| 10  | 000043 | 1201011809 | Phạm Duy          | Khánh  | 22/03/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 9     | 5,3      | 1     | Khánh  | Lê      |
| 11  | 000044 | 1201011298 | Hoàng Thùy        | Linh   | 15/10/2005 | NH12A | Nữ        | 02     | 10    | 3,8      | 1     | Linh   | chấn    |
| 12  | 000045 | 1201011313 | Tạ Khánh          | Linh   | 20/06/2005 | NH12A | Nữ        | 02     | 11    | 2,5      | 1     | Linh   | Lê      |
| 13  | 000046 | 1201011318 | Vũ Diệu           | Linh   | 30/08/2006 | NH12A | Nữ        | 02     | 12    | 4,0      | 1     | Linh   | chấn    |
| 14  | 000047 | 1201011336 | Luyện Quang       | Minh   | 01/10/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 13    | 6,3      | 1     | Minh   | Lê      |
| 15  | 000048 | 1201011341 | Nguyễn Hà         | My     | 04/09/2006 | NH12A | Nữ        | 02     | 14    | 1,5      | 1     | My     | chấn    |
| 16  | 000049 | 1201011797 | Lê Huy            | Nam    | 10/02/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 15    | 6,5      | 1     | Nam    | Lê      |
| 17  | 000050 | 1201011357 | Đồng Minh         | Nguyên | 06/06/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 18    | 3,8      | 1     | Nguyên | chấn    |
| 18  | 000051 | 1201011375 | Nguyễn Tuấn       | Phúc   | 27/04/2006 | NH12A | Nam       | 02     |       |          |       |        | ĐK      |
| 19  | 000052 | 1201011378 | Đàm Quỳnh         | Phương | 15/04/2006 | NH12A | Nữ        | 02     | 19    | 5,5      | 1     | Phương | chấn    |
| 20  | 000053 | 1201011395 | Nguyễn Hùng       | Sơn    | 16/08/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 16    | 5,3      | 1     | Sơn    | Lê      |
| 21  | 000054 | 1201011415 | Bùi Duy           | Thông  | 05/02/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 17    | 3,5      | 1     | Thông  | chấn    |
| 22  | 000055 | 1201011425 | Đặng Thu          | Trà    | 04/11/2006 | NH12A | Nữ        | 02     | 20    | 7,5      | 1     | Trà    | Lê      |
| 23  | 000056 | 1201011632 | Nguyễn Chí        | Uy     | 25/07/2006 | NH12A | Nam       | 02     | 21    | 0,8      | 1     | Uy     | chấn    |
| 24  | 000057 | 1001020950 | Đặng Ngọc         | Diễm   | 21/12/2004 | KD10G | Nữ        | 03     | 22    | 6,0      | 1     | Diễm   | Lê      |
| 25  | 000058 | 1101020004 | Đặng Thị Ngọc     | Anh    | 23/08/2005 | KD11E | Nữ        | 03     | 23    | 5,3      | 1     | Anh    | chấn    |
| 26  | 000059 | 1201031781 | Doãn Thị Quỳnh    | Anh    | 20/10/2006 | QT12A | Nữ        | 03     | 24    | 4,8      | 1     | Anh    | Lê      |
| 27  | 000060 | 1201030703 | Hồ Vũ Văn         | Anh    | 31/10/2006 | QT12A | Nữ        | 03     | 25    | 3,5      | 1     | Anh    | chấn    |
| 28  | 000061 | 1201030710 | Lưu Ngọc          | Anh    | 11/11/2006 | QT12A | Nữ        | 03     | 26    | 6,0      | 1     | Anh    | Lê      |
| 29  | 000062 | 1201030730 | Phạm Thị Mai      | Anh    | 17/02/2006 | QT12A | Nữ        | 03     | 27    | 3,5      | 1     | Anh    | chấn    |
| 30  | 000063 | 1201030760 | Vũ Thị Kim        | Chi    | 24/08/2006 | QT12A | Nữ        | 03     | 28    | 3,3      | 1     | Chi    | Lê      |
| 31  | 000064 | 1201030774 | Nguyễn Thành      | Đạt    | 08/11/2006 | QT12A | Nam       | 03     |       |          |       |        | ĐK      |
| 32  | 000065 | 1201030778 | Đỗ Huyền          | Diệp   | 09/04/2006 | QT12A | Nữ        | 03     | 29    | 4,3      | 1     | Diệp   | Lê      |
| 33  | 000066 | 1201030804 | Nguyễn Đoàn Phong | Duy    | 19/04/2006 | QT12A | Nam       | 03     | 30    | 4,8      | 1     | Duy    | chấn    |

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 60.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đoàn Thị Tuyết Mai  
Phạm Linh Chi



# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

## Học phần: Logic học

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Giới tính | Lớp HP | Phách | Điểm thi | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|-------|------------|-------|-----------|--------|-------|----------|-------|--------|---------|
| 1   | 000067 | 1201031548 | Đỗ Ngọc          | Hà    | 08/12/2006 | QT12A | Nam       | 03     | 60    | 5,8      | 1     | Hà     | le'     |
| 2   | 000068 | 1201030817 | Phạm Nguyễn Tuấn | Hải   | 11/01/2003 | QT12A | Nam       | 03     | 61    | 8,8      | 1     | Hải    | chấn    |
| 3   | 000069 | 1201030822 | Vũ Hồng          | Hạnh  | 20/02/2006 | QT12A | Nữ        | 03     | 62    | 5,5      | 1     | Hồng   | le'     |
| 4   | 000070 | 1201031733 | Bùi Đăng Minh    | Hiền  | 08/10/2006 | QT12A | Nam       | 03     | 63    | 6,5      | 1     | Minh   | chấn    |
| 5   | 000071 | 1201030855 | Đồng Mạnh        | Hùng  | 12/09/2006 | QT12A | Nam       | 03     | 64    | 5,0      | 1     | Hùng   | le'     |
| 6   | 000072 | 1201031043 | Nguyễn Duy       | Sang  | 22/07/2006 | QT12A | Nam       | 03     | 65    | 3,8      | 1     | Sang   | chấn    |
| 7   | 000073 | 1201031056 | Trương Công      | Thành | 13/01/2001 | QT12A | Nam       | 03     | 66    | 7,5      | 1     | Thành  | le'     |
| 8   | 000074 | 1201031711 | Lê Thị           | Thảo  | 12/01/2006 | QT12A | Nữ        | 03     | 67    | 9,5      | 1     | Thảo   | chấn    |
| 9   | 000075 | 1201031684 | Nguyễn Thị       | Thúy  | 25/09/2006 | QT12A | Nữ        | 03     | 68    | 7,3      | 1     | Thúy   | le'     |
| 10  | 000076 | 1201031122 | Vũ Anh           | Tuấn  | 25/07/2006 | QT12A | Nam       | 03     | 69    | 6,5      | 1     | Tuấn   | chấn    |
| 11  | 000077 | 1201031130 | Bùi Phạm Phương  | Uyên  | 14/05/2006 | QT12A | Nữ        | 03     | 70    | 8,3      | 1     | Uyên   | le'     |
| 12  | 000078 | 1201031814 | Nguyễn Hoài      | Anh   | 11/05/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 71    | 9,5      | 1     | Anh    | chấn    |
| 13  | 000079 | 1201030800 | Nguyễn Khánh     | Dương | 21/05/2006 | QT12B | Nam       | 03     | 72    | 5,5      | 1     | Dương  | le'     |
| 14  | 000080 | 1201030809 | Trần Hương       | Giang | 30/11/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 73    | 6,8      | 1     | Giang  | chấn    |
| 15  | 000081 | 1201030841 | Nguyễn Thị       | Hoa   | 11/07/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 74    | 5,3      | 1     | Hoa    | le'     |
| 16  | 000082 | 1201030844 | Nguyễn Thị       | Hoài  | 12/07/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 75    | 9,5      | 01    | Hoài   | chấn    |
| 17  | 000083 | 1201030851 | Cao Đình         | Huân  | 24/08/2006 | QT12B | Nam       | 03     | 76    | 2,8      | 1     | Huân   | le'     |
| 18  | 000084 | 1201030852 | Nguyễn Thị       | Huệ   | 11/07/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 77    | 6,0      | 1     | Huệ    | chấn    |
| 19  | 000085 | 1201030889 | Vũ Quang Nam     | Khánh | 24/10/2006 | QT12B | Nam       | 03     | 78    | 2,3      | 1     | Khánh  | le'     |
| 20  | 000086 | 1201031636 | Nguyễn Trung     | Kiên  | 29/09/2003 | QT12B | Nam       | 03     | 79    | 9,0      | 1     | Kiên   | chấn    |
| 21  | 000087 | 1201030934 | Tô Thị Yến       | Linh  | 25/12/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 80    | 4,8      | 1     | Yến    | le'     |
| 22  | 000088 | 1201030944 | Nhữ Ngọc         | Long  | 26/03/2006 | QT12B | Nam       | 03     | 81    | 1,8      | 1     | Long   | chấn    |
| 23  | 000089 | 1201030947 | Nguyễn Hữu Thành | Luân  | 28/04/2006 | QT12B | Nam       | 03     | 82    | 4,5      | 1     | Luân   | le'     |
| 24  | 000090 | 1201030970 | Trần Quang       | Minh  | 08/02/2006 | QT12B | Nam       | 03     | 83    | 4,3      | 1     | Minh   | chấn    |
| 25  | 000091 | 1201030983 | Trịnh Kế         | Năng  | 09/01/2005 | QT12B | Nam       | 03     | 84    | 1,3      | 1     | Năng   | le'     |
| 26  | 000092 | 1201030995 | Doãn Thị         | Ngọc  | 10/09/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 85    | 5,8      | 1     | Ngọc   | chấn    |
| 27  | 000093 | 1201031057 | Đào Thị Phương   | Thảo  | 28/10/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 86    | 2,3      | 1     | Thảo   | le'     |
| 28  | 000094 | 1201031071 | Đặng Kim         | Thu   | 10/10/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 87    | 3,3      | 1     | Thu    | chấn    |
| 29  | 000095 | 1201031574 | Đào Thanh        | Trà   | 23/11/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 88    | 3,0      | 1     | Trà    | le'     |
| 30  | 000096 | 1201031107 | Trịnh Thùy       | Trang | 21/09/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 89    | 3,8      | 1     | Trang  | chấn    |
| 31  | 000097 | 1201031111 | Nguyễn Quốc      | Triệu | 26/09/2006 | QT12B | Nam       | 03     | 90    | 2,5      | 1     | Triệu  | le'     |
| 32  | 000098 | 1201031127 | Trần Anh         | Tuyên | 05/05/2006 | QT12B | Nam       | 03     | 91    | 4,8      | 1     | Tuyên  | chấn    |
| 33  | 000099 | 1201031132 | Hà Thị Mỹ        | Uyên  | 19/10/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 92    | 6,8      | 1     | Uyên   | le'     |
| 34  | 000100 | 1201031150 | Lê Ngọc          | Yến   | 31/01/2006 | QT12B | Nữ        | 03     | 93    | 6,0      | 1     | Yến    | chấn    |

Tổng số sinh viên dự thi: 34

Tổng số tờ giấy thi: 34

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 1 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Hoàng Thị Duyên